

# ĐÁP ÁN CÂU CÙNG NGHĨA

1. A. – lời dẫn đe dọa
2. C. => lần cuối làm gì bao nhiêu lâu trước đây (**last**) ~ đã không làm việc đó được bao lâu.
3. A. – **reproach** = chỉ trích ai đã không làm gì (câu trúc **should have done** – đáng lẽ phải làm gì trong quá khứ nhưng đã không làm)
4. B. – lời khuyên
5. A. => **STUFFY** = ngột ngạt - ở đây là lời đề nghị **NGÂM** là cần làm cho phòng **AIRED** (làm thoáng khí)  
- ý B sai do **remark** = bình luận – không hợp cho đoạn **should be aired** (cần được thoáng khí)  
- ý C sai do **crowded** không được nhắc đến và cũng không tương đương **stuffy**  
- ý D sai do **there was too much stuff** = Có quá nhiều thứ linh kính >< không tương đương với **stuffy**.
6. C. => đây là câu **MỜI (offer)** và người ta **TỪ CHỐI NGAY (decline promptly)** – dựa vào câu **No, thanks.**
7. D. – đây là câu **KHUYẾN** (vì có **ought to**) nên loại A; ý B và ý C tuy mang ý khuyên bảo nhưng thiếu mất yếu tố **a few day** nên thiếu.
8. C. => đây là **LỜI HỨA**.
9. C – cấu trúc: **too + adj + for sb + to do** = (cái gì) quá như thế nào cho ai để có thể làm gì (tức là không làm được)
10. A => đây là **LỜI MỜI (invite)**
11. C. => đây là **LỜI ĐỀ NGHỊ** nên dùng cấu trúc **offer to do** (đề nghị làm gì)
12. B. => Đảo ngữ với **Scarcely ..... when .....** ~ đảo ngữ: **No sooner ..... than .....**  
= vừa mới ..... thì .....
13. D. => dùng **order** (ra lệnh) – ví đây là **captain** (thuyền trưởng/ đại úy) nói với **his men** (những người **LÍNH** của hắn)
14. A => dùng **which** thay thế cho cả câu trước để nói về Tính Chất cho cả câu đấy.
15. D => **undervalue** ~ **have an low opinion of**: đánh giá thấp, chê bai.
16. A. => Cụm **why don't we ....** luôn là 1 lời **GỢI Ý, ĐỀ XUẤT (suggest)**

17. B. => **run out of ~ no .... left** = hết nhãn  
(ý D thiếu yếu tố ĐANG CÓ RỒI HẾT)

18. D. – Giải quyết càng sớm càng tốt = nếu giải quyết sớm thì tốt hơn.  
(dạng Càng .... Càng .... luôn quy về Điều kiện loại 1)

19. A. – đây là LỜI KHUYÊN

20. B. => đây là LỜI HỨA !

21. A. => đây là lời gợi ý, khuyên bảo (**suggest**)

22. D. => ý D là 1 dạng câu điều kiện mà về **if** được thay = **without**.  
dịch: Hẳn sống sót qua cuộc phẫu thuật nhờ bác sĩ phẫu thuật giỏi = Hẳn sẽ không sống sót qua cuộc phẫu thuật mà (nếu) không có người bác sĩ phẫu thuật giỏi.

23. B. => **plead with sb (not) to do** = van xin ai (đừng) làm gì.

24. B. => phim gì họ cũng xem !

25. A => Jame là người cuối biết về sự thay đổi lịch => Tất cả mọi người biết về sự thay đổi lịch trước khi Jame biết.

26. C. <=> Nó không nói về gì khác ngoài thời tiết <=> Chủ đề nói chuyện duy nhất của nó là thời tiết.

27. D. => **fall short of sth**: không như, không đạt được (mong đợi)

28. D => There is no point in doing = it is useless to do (vô ích khi làm gì)

29. B => lời hứa !

30. C. => **get by on**: xoay sở được để đủ dùng (tiền)

31. C. => ĐẢO NGỮ với **so .... that** = **so + adj + be + s + that**  
(cấu trúc này tương đương với cấu trúc TOO ở câu gốc)

32. A => **in the middle of their dinner** = **they were having dinner** ; và **arrive** = **come**.

33. D. => Nói chung là **discourage** (làm nản lòng) tuy hơi vu vơ nhưng lại đúng với việc nhìn con bão sẽ không ai muốn leo núi nữa.

- ý A sai do cụm **be capable of** chỉ dùng với chủ ngữ xác định chứ không dùng chủ ngữ giả với cụm **make it**.

- ý B sai do cụm **be able** luôn luôn có N hoặc **to do** đằng sau chứ không đứng 1 mình.

- ý C sai do **them** ở đây là NGƯỜI LEO NÚI và **impossible** chỉ dùng cho dạng **make something** (vật, việc) **impossible** chứ không dùng cho NGƯỜI.

34. D => Vì họ dựng lên 1 cái chuồng, gia súc không thể thoát ra để đi vào cánh đồng lúa mì ~~~ Họ dựng lên 1 cái chuồng, và kết quả là, gia súc không thể thoát ra để đi vào cánh đồng lúa mì.

35. C => đây là lời mời ăn uống gì đó (**offer**)

36. D. => cấu trúc **adj + as/though + s + be = although/ though + s + be** = mặc dù.  
và **far from = not**.

37. A => đây là LỜI MỜI (**invite**)

38. A => Lời Khuyên

39. A => đây là sự THUYẾT PHỤC (kể ra cái hay cái tốt rồi đề nghị làm gì)

40. B. => lời ĐỀ DOẠ

41. D. => đây là lời CHỈ TRÍCH. (**shouldn't have done** = đáng lẽ không nên làm gì)

- ý A = Nghi Ngờ. (không đúng)

- ý B = Buộc Tội >> nhưng về sau sai nghĩa. (**cheat** = lừa)

- ý C = Trách Kóc >> nhưng về sau sai nghĩa (**flatter** = nịnh bợ)

42. A. => lời NHẮC NHỞ - có **remember** hoặc **don't forget**.

43. D. => lời VAN XIN – có **please don't**.

44. A. => dùng **however + adj/ adv = no matter how + adj/adv**.

45. B. => đều mang nghĩa: Đã làm gì được bao lâu ....

(Chú ý: dạng **IT IS + THỜI GIAN + SINCE + QKD** – không dùng với thì Hiện Tại Hoàn Thành ở về **IT IS** – đây là **NGOẠI LỆ**)

46. C. => Sói mòn đất là kết quả của việc rừng bị chặt phá vô tội vạ = Cái việc mà rừng bị chặt phá vô tội vạ dẫn đến sói mòn đất.

(**lead to = result in** = dẫn đến..... còn **result from** = là hệ quả của.....)

47. A. – quyết không đi cho đến khi gặp được gã quản lý !

48. C – CẤM ĐOÁN dùng **must not**  
(**Not have to** = không phải)

49. D – Không học đủ chăm để giành học bổng = Nếu học chăm hơn sẽ giành học bổng.  
(dùng điều kiện loại 3)

50. B. – **To my surprise ~~~ I was surprised.**

51. D. – Đảo Ngữ với **so**.
52. A. – **apology** = lời xin lỗi. **arrive late ~~~ late arrival**.
53. A. – **Prefer doing sth1 to doing sth2 = Would rather do sth1 than do sth2** = thích làm 1 hơn làm 2.
54. D – đây là lời TRÁCH CỨ, ĐỒ TỘI.
55. D – dùng Mệnh Đề Danh Ngữ. và **astonish ~ amaze** = làm cho rất ngạc nhiên.
56. A - dùng dạng TÁCH V CHUNG CHỦ NGỮ.
57. A. – **advise sb AGAINST DOING sth = advise sb NOT TO DO sth**.
58. D – các cấu trúc chỉ Mục Đích – và dịch nghĩa của câu.
59. D. => **major in sth**: học chuyên môn chính về cái gì.
60. C. - ước là đã không nhận lời = hối tiếc vì đã nhận lời.
61. D - Không ai trừ Jane trả lời đúng = Tất cả mọi người trừ Jane trả lời không đúng.  
(**succeed in doing >< fail to do**)
62. B - **owe sth to sb** = có được cái gì là nhờ ai.
63. D - **could/ can not do = fail to do** = không làm được gì.
64. D. - 3 ý còn lại thiếu yếu tố THE TEACHER. Nhớ cấu trúc **have difficulty (in) doing sth**: khó khăn trong việc làm gì.
65. C. => đây là lời KHEN NGỢI. **brave** (dũng cảm) => **bravery** (lòng dũng cảm) = **courage**.  
**Praise sb for sth**: khen ai về điều gì.
66. B. - nếu biết là sẽ leo trèo thì đã đi đúng giày = không đi đúng giày do không biết là sẽ đi leo trèo.
67. C. – gọi nhớ về người bác.  
Ý D sai do thì Hiện Tại Tiếp Diễn không dùng với thì Hiện Tại Đơn khi có **whenever**.
68. A. - ngoài mỗi Hotel đó thì không còn cái khác để lựa chọn nữa.
69. A - đây là lời GỢI Ý, ĐỀ NGHỊ. và **WOULD DO = USED TO DO** = thường làm gì trong Quá khứ.

70. B. - **cannot have done** = chắc chắn đã không làm gì trong Quá khứ.  
**with flying colours** = **with very high marks** = đạt điểm số rất cao (thi cử)

71. A. - mỗi nó đúng ngữ pháp cho cấu trúc "Người ta nói rằng ....."

72. C. - **blow one's own chance** = mất cơ hội. **narrowly defeated** ~~~ **narrow defeat** = bị đánh bại với tỉ số suýt soát.

73. B. - Nếu mày cứ bám lấy cái đã thỏa thuận ban đầu, mọi thứ sẽ ổn = Mọi thứ không ổn vì mày vi phạm thỏa thuận ban đầu.

74. D. - đây là **yêu cầu lịch sự** khi nhờ 1 người làm 1 việc cho mình.

75. A. – cả 2 việc đều không hợp chuyên môn của tao.

76. A – đến quá muộn nên hết chỗ ngồi tốt.

77. A – đảo ngữ với **Not Until**

78. B – quên không khóa cửa khi đi = đi mà không nhớ khóa cửa.

79. C. – quyết không thay đổi quyết định từ chức.

80. C. – yếu tố "**When** " và "**it is sometimes**" ~~~ "**at certain time of the day**"

81. A. – **imply** = **really mean** = thực sự muốn nói gì, ám chỉ.

82. A. – DỌA !

83. D – khuyên bảo !

84. A – Không đến được làng vì tuyết = Tuyết làm cho không đến được làng.

85. A – cố gắng thuyết phục là đọc sách đó vô tích sự.

86. D – Place sth at one's disposal ~~~ Allow sb to use sth whenever ..... = tùy ý sử dụng

87. B – **immediately** = **instantly** = ngay lập tức.

88. B. – **to the disappointment of sb** = **disappoint sb** = làm ai thất vọng.

89. B – lời MỜI. **cordially** = 1 cách thân mật.

90. C. – **without one's help** = **if it hadn't been for one's help**.

91. A – lần đầu làm gì = chưa bao giờ làm điều đó trước đó.

92. D – chúc mừng.

93. D – có yếu tố **really believe** nên câu mang tính CHẮC CHẮN cao => dùng **must** chứ không dùng **might**.

94. A – câu gợi ý, đề nghị.

95. B. – dùng điều kiện loại 3 đảo lại các việc đã xảy ra trong quá khứ.

96. B. – dự đoán chắc chắn trong quá khứ dùng **must have done**.

97. D – **suggest** = **advise** trong câu này.

98. C – việc xảy ra trong quá khứ và câu gốc đảo lại dưới dạng điều kiện loại 3.

99. D – câu này KHOAI ! Bọn em có thể bỏ qua: Theo như “tác giả” thì 25% là ÍT nên chỉ có 1 số ít người trong lớp nói tiếng Tây Ban Nha.

**Hispanic** = **Spanish-speaking** = thuộc về các nước nói tiếng Tây Ban Nha

100. D – câu này cũng KHOAI ! Bọn em hiểu qua là: ý C có vẻ dịch rất đúng nhưng lại SAI NGỮ PHÁP. Khi chủ ngữ là 1 Danh Động Từ (V-ing) thì nó không dùng theo kiểu tân ngữ là Mệnh Đề Danh Ngữ (HOW TO V)  
(câu này có thể BỎ !)

# ĐÁP ÁN

## CÂU NÓI 2 CÂU

101. C – câu trái ngược về tính chất.
102. B – vì làm việc cho công ty thời trang nên luôn biết rõ các mẫu thời trang gần đây nhất.
103. A – 2 việc có tính chất giống nhau (ở đây là xui xẻo) dùng: “**Not only ..... (but) also ....**”  
(dạng Đảo ngữ)
104. B – mặc áo khoác vào không thì bị cảm !
105. C – Những người đang ngắm chó thì thấy rất vui với con chó đó.
106. C. – ngủ nhiều nhưng biết ít về nó.
107. A. – cả 2 món này gây ra bệnh chết người.  
(cẩn thận bị ý B lừa tình)
108. D – quyết tâm làm nên thành công chứ không phải tài năng.
109. C – Đến không kịp lúc. Không thể tiến đưa = Không đến sớm hơn để tiến đưa.
110. C – cho bài tập về nhà và bài trên lớp vào riêng 2 vở để không bị lẫn lộn.
111. B – dù được giới khoa học biết rõ nhưng công chúng (dân thường) ít người biết.
112. D – yếu tố:           **as well ~~~ not only .... but also**
113. C – đánh bại xong cự vô địch là giành ngôi quán quân.  
(phần ngữ pháp **Tách V chung chủ ngữ**)
114. C – Đọc lướt qua và dừng lại ở chỗ làm nàng thích.  
**Take fancy to sth ~~~ sth catch one’s fancy** = tự dung thích cái gì
115. A – Sau khi thích thành phố xong rồi nghĩ về nông thôn mà chán hẳn.
116. B – nó làm cả 2 việc cùng tính chất – dùng **AND**.

117. A. – Vì chuyến bay bị hoãn nên đi chơi ở cửa hàng miễn thuế.

118. C. – Không nghe giảng nên không hiểu = Nếu nghe giảng sẽ hiểu

119. C – Dù cố gắng nhưng gần như không thể qua.

120. A. – không muốn tốn tiền nên ở khách sạn rẻ.